ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133/ QĐ-UBND	*Văn Bàn, ngày 31 tháng 03 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT – BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 19/03/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 5180/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 22 /TTr-PKTHT ngày 26/03/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai với nội dung sau:

(Có hồ sơ quy hoạch chi tiết kèm theo)

1. Vị trí, ranh giới và quy mô quy hoạch.

a) Vị trí: Khu đất lập quy hoạch nằm trong tổng thể quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

b) Ranh giới lập quy hoạch được xác định:

- Phía Bắc giáp suối Nậm Chăn;

- Phía Nam giáp Tông Hốc;

- Phía Đông giáp thôn 13;

- Phía Tây giáp suối Nậm Miện.

2. Quy mô lập quy hoạch.

- Tổng diện tích đất lập quy hoạch 50 ha.

- Quy mô dân số khoảng 3.000 người.

3. Tính chất của khu vực lập quy hoạch.

- Là trung tâm chính trị, văn hoá, giáo dục, kinh tế của xã Dương Quỳ.

- Là trung tâm thúc đẩy kinh tế xã hội, văn hoá, giáo dục của vùng bao gồm các xã Hòa Mạc; Thẩm Dương; Nậm Xây. Tạo đà cho việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thực hiện đường lối công nghiệp hóa và hiện đại hóa, củng cố lòng tin của đồng bào các dân tộc đối với chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước - Tăng cường đoàn kết các dân tộc anh em trong cả nước.

- Từng bước XD hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu về kinh tế xã hội, để đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các hoạt động thông tin về kinh tế, văn hóa xã hội và chính trị đến gần với đồng bào các dân tộc đang sinh sống.

- Tăng cường sự lãnh đạo sát sao của Huyện, của Tỉnh, Trung ương đối với cơ sở, thúc đẩy các hoạt động văn hóa xã hội trong tiểu vùng, tạo thuận lợi cho sự giao lưu giữa các bản làng, tiểu vùng với các đô thị để phát huy sức mạnh cộng đồng.

4. Phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Phân khu chức năng gồm:

Khu đất lập quy hoạch về cơ bản được phân thành các khu chức năng sau:

a) Đất cơ quan quản lý nhà nước;

b) Đất xây dựng công trình dịch vụ thương mại, công cộng;

c) Đất giáo dục;

d) Đất ở;

e) Đất giao thông khu vực và nội bộ;

f) Đất cây xanh cảnh quan;

g) Đất hạ tầng kỹ thuật;

h) Đất lâm nghiệp

b) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Trên cơ sở trục đường QL279 và các tuyến trục đường liên thôn bản hiện có bố trí thêm các tuyến đường nhánh trên cơ sở các tuyến đường mòn hiện có, định hướng quy hoạch tổng thể xây dựng khu trung tâm xã Dương Quỳ sẽ hình thành các khu chức năng chính như sau:

4.1. Khu hành chính gồm: Trụ sở Đảng uỷ + HĐND + UBND quy hoạch xây dựng tại vị trí mới với diện tích và quy mô công trình phù hợp với tiêu chuẩn khu hành chính tập trung của xã NTM. (vị trí cũ để xây dựng khu nhà sinh hoạt văn hóa khu dân cư);

4.2. Khu dịch vụ thương mại: Bố trí các điểm kinh doanh dịch vụ thương mại tại các vị trí thuật lợi trong khu vực trung tâm xã đồng thời bố trí khu đất xây dựng chợ trung tâm xã tại vị trí mới với diện tích đủ rộng theo tiêu chuẩn để xây dựng nhà chợ chính và bố trí điểm đỗ xe và làm chợ gia súc, gia cầm với 4 mặt đều tiếp cận các tuyến đường giao thông thuận lợi cho việc buôn bán trao đổi hành hoá để phục vụ nhân dân mua bán trao đổi hàng hoá;

4.3. Khu giáo dục: Bao gồm các trường học: Trung học cơ sở, Trường tiểu học và trường mầm non.

- Trường mầm non: Mở rộng khuôn viên trường, xây thêm các phòng học và sân chơi và công trình phụ trợ. Đồng thời xây dựng thêm 1 trường trường mầm non tại khu vực quy hoạch mở rộng phía đầu Bắc trung tâm xã;

- Trường Tiểu học: Mở rộng khuôn viên trường (lấy hết phần đất Trạm y tế hiện có), xây dựng thêm phòng chức năng và các công trình phụ trợ.

- Trường Trung học cơ sở: Mở rộng khuôn viên trường (lấy hết phần đất của Chợ trung tâm xã hiện có) Xây dựng thêm phòng chức năng và các công trình phụ trợ.

4.4. Khu y tế: Quy hoạch xây dựng tại vị trí mới với diện tích và quy mô công trình phù hợp với tiêu chuẩn của xã NTM. (vị trí cũ để mở rộng khuôn viên Trường Tiểu học);

4.5. Các khu nhà ở: Trên cơ sở các khu nhà ở hiện có bố trí xen cấy thêm theo các trục đường chính tỉnh lộ QL279 (Diện tích đất ở bám mặt đường rộng trung bình 6 đến 9m, chiều sâu từ 15 đến 20m). Tại các trục đường nhánh bố trí nhà ở chia lô liền kề và tại các khu dân cư hiện có bố trí xen cấy thêm các khu nhà ở dân cư nông thôn theo bản sắc phong tục tập quán của người địa phương, diện tích đất ở : 300m2- 400 m2/ hộ.

Các công trình trên tạo ra không gian kiến trúc kết hợp giữa không gian cây xanh, nhà ở gắn kết với với các công trình công cộng, văn hoá-xã hội, dịch vụ thương mại và nhà ở tạo nên sự hài hoà theo địa hình miền núi.

Kiến trúc các công trình công cộng cần hợp khối để có không gian lớn, bề thế. Kiến trúc nhà ở cần tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, tạo ra các công trình chênh lệch cốt, hạn chế tối đa san gạt.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích khu đất xây dựng trung tâm xã là : 50,00 ha được quy hoạch cụ thể như sau:

5.1. Đất hành chính (Đất bố trí trụ sở Đảng uỷ + HĐND + UBND xã): Khu đất ký hiệu HC, diện tích 10.445,88 m2; mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 15m (tương ứng với 3 tầng có mái);

5.2. Đất Y tế: Ô đất ký hiệu YT, diện tích 3.890,94 m2; mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 15m (tương ứng với 3 tầng có mái);

5.3. Đất công trình công cộng: Tổng diện tích: 21.093,96 m2, bao gồm các khu đất có chức năng sau:

5.3.1. Đất XD Nhà văn hoá: Diện tích: 5.678,76 m2, gồm 3 khu đất:

- Khu Văn hoá 1, ký hiệu VH1; diện tích 2.408,56 m2; mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 9m (tương ứng với 3 tầng có mái);

- Khu Văn hoá 2, ký hiệu VH2; diện tích 2.364,37 m2; mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 9m (tương ứng với 2 tầng có mái);

- Khu Văn hoá 3, ký hiệu VH3; diện tích 905,83 m2; mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 9m (tương ứng với 2 tầng có mái);

5.3.2. Đất XD công trình dịch vụ: Gồm 5 ô đất có ký hiệu từ DV1 đến DV5; Tổng diện tích 6.982,71 m2, mật độ xây dựng tối đa 80%; chiều cao tối đa 15m.

5.3.3. Đất XD Chợ trung tâm xã: Ô đất có ký hiệu từ CH; diện tích 8.432,49 m2, mật độ xây dựng tối đa 40%; chiều cao tối đa 12m.

5.4. Đất Giáo dục: Gồm 4 ô đất có ký hiệu từ GD1 đến GD4; Tổng diện tích 16.785,63 m2, mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 15m.

5.5. Đất Ở: Tổng diện tích 206.790,14 m2. Gồm đất ở hiện trạng và đất ở quy hoạch bố trí mới (Đất ở chia lô liền kề), cụ thể như sau:

5.5.1. Đất ở Hiện trạng: Diện tích 145.076,62 m2; gồm 22 ô, có ký hiệu OHT 1đến OHT 22; mật độ xây dựng 80%; chiều cao tối đa 15m.

5.5.2. Đất ở Chia lô liền kề: Diện tích 61.713,52 m2; gồm 30 ô, có ký hiệu LK1 đến LK 30; mật độ xây dựng 80%; chiều cao tối đa 15m.

5.6. Đất Cây xanh: Gồm 9 ô đất có ký hiệu từ CX1 đến CX9; Tổng diện tích 26.625,38 m2;

5.7. Đất Lâm nghiệp: Gồm 2 ô đất có ký hiệu từ LN1 và LN2; Tổng diện tích 10.880,54 m2;

5.8. Đất Mặt nước: Gồm 5 ô đất có ký hiệu từ MN1 đến MN5; tổng diện tích 35.787,79 m2;

5.9. Đất Hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích 167.699,34 m2, cụ thể như sau:

5.9.1. Đất Bến xe trung tâm xã: Ký hiệu BX; Diện tích 17.220,50 m2; mật độ xây dựng 5%; chiều cao tối đa 12m;

5.9.2. Đất Cây xăng: Ký hiệu CXA; Diện tích 881,97 m2; mật độ xây dựng 40%; chiều cao tối đa 9m.

5.9.3. Đất Bãi đỗ xe: Ký hiệu từ ĐX1; Diện tích 3.548,53 m2; mật độ xây dựng 5%; chiều cao tối đa 9m;

5.9.4. Đất Ga rác: Ký hiệu GR; Diện tích 1.077,95 m2;

5.9.5. Đất Hạ tầng kỹ thuật hành lang sau làn dân cư: Gồm 11 ô đất có ký hiệu từ HT1 đến HT11; Tổng diện tích 4.783,36 m2;

5.9.6. Kè chênh cos: Gồm 3 khu, có ký hiệu KE1 đến KE3; Tổng diện tích 4.481,79;

5.9.7. Đất Giao thông + Hạ tầng kỹ thuật khác: Bao gồm các tuyến đường chính và đường nội bộ trong phạm vi quy hoạch, tổng diện tích 135.705,64m2;

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

Hệ thống giao thông trong khu vực lập quy hoạch về cơ bản là cấp đường khu vực và cấp nội bộ được xây dựng trên cơ sở một số tuyến hiện có nâng cấp cải tạo và xây dựng một số tuyến mới gồm:

- Tuyến đường QL279: Là tuyến đường trục chính của khu vực, đoạn đi quả khu trung tâm xã được nâng cấp mở rộng có quy mô mặt cắt như sau: Bnền=19.0m, trong đó: Bmặt = 9.0m; Bvh = 2 x 5.0m;

- Tuyến đường T1,T2: Là các tuyến đường nội bộ có quy mô mặt cắt như sau: Bnền=17.5m, trong đó: Bmặt = 7.5m; Bvh = 2 x 5.0m;

- Tuyến đường T4;T5B;T7:T8;T9B;G1;G2: Là các tuyến đường nội bộ có quy mô mặt cắt như sau: Bnền=17.5m, trong đó: Bmặt = 7.5m; Bvh = 2 x 5.0m;

- Tuyến đường T9: Kết nối QL279 vào khu dân cư, được vuối nối qua cầu cũ với bề rộng mặt cầu cũ và đường vuối nối Bmặt = 6.0m. Tuyến đường nội bộ T9 với quy mô mặt cắt như sau: Bnền=17.5m, trong đó: Bmặt = 7.5m; Bvh = 2 x 5.0m;

- Tuyến đường T3;G3: Là tuyến đường nội bộ được thiết kế mới có quy mõ mặt cắt như sau: Bnền=19.0m, trong đó: Bmặt = 9.0m; Bvh = 2 x 5.0m;

- Tuyến đường T5, T10: Là các tuyến đường chạy dọc theo suối Nậm Chăn với quy mô mặt cắt như sau: Bnền=19.0m, trong đó: Bmặt = 9.0m; Bvh = 2 x 5.0m;

- Xây dựng cầu BTCT dự ứng lực hoạt tải thiết kế HL93, kết nối tuyến đường T5 và T10 với quy mô: Chiều dài nhịp L=33m; Bcầu = 9m+ 2x 0.5m = 10.0m, độ dốc dọc cầu 0.00%, độ dốc ngang cầu 2.0%;

- Xây dựng cầu BTCT dự ứng lực hoạt tải thiết kế HL93, kết nối tuyến đường QL279, G1 và G2 với quy mô: Chiều dài nhịp L=3x33m; Bcầu = 8m+ 2x 0.5m = 9.0m, độ dốc dọc cầu 0.00%, độ dốc ngang cầu 2.0%;

a1. Giải pháp kết cấu áo đường: + Đối với tuyến đường giao thông đối ngoại QL279 và các tuyến đường T3,T5,T10 sử dụng kết cấu đường bê tông ASPHAN với mô đun đàn: Ey/c >= 120 MPA/ cm2.

+ Đối với các tuyến đường còn lại sử dụng kết cấu đường bê tông ASPHAN với mô đun đàn: Ey/c >= 110 MPA/ cm2.

Giải pháp kết cấu của các loại đường sẽ tiếp tục cụ thể hoá trong các bước triển khai tiếp theo.

a2. Bến xe trung tâm:

- Xây dựng Bến xe trung tâm phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân xã Dương Quỳ nói riêng và các xã lân cận như: Hòa Mạc; Thẩm Dương; Nậm Xây nói chung với quy mô bến xe vùng.

a3. Định vị mạng lưới đường và cao độ nền đường:

Mạng lưới đường trong khu vực quy hoạch được định vị tại tim đường.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

b1. Quy hoạch san nền:

San nền để tạo ra quỹ đất bố trí xây dựng mới và có quỹ đất để mở rộng đường theo quy hoạch với điều kiện là san đắp trên cos ngập lụt và phải tạo độ dốc để thoát nước mặt. Tận dụng địa hình địa thế tránh đào đắp nhiều, tạo kiến trúc cảnh quan, san nền chủ yếu là đào đắp cục bộ. Căn cứ vào cao độ khống chế các tuyến đường, các công trình đó có, căn cứ địa hình hiện trạng, hướng dốc, lưu vực thoát nước từng khu vực. Do mặt bằng có diện tích lớn nên tổ chức thoát nước về nhiều hướng khác nhau theo địa hình từng khu vực. Nghiên cứu địa hình cho thấy có 2 hướng thoát nước chính là Nam Bắc Nam, Tây Đông.

Đào đắp nền các khu vực xây dựng mới gắn kết với cao độ nền mặt bằng các công trình hiện trạng. Cân bằng khối lượng đào đắp cho từng khu vực, độ dốc nền thuận tiện cho giao thông đi lại và đảm bảo yêu cầu xây dựng các công trình trụ sở, thương mại, công cộng, dân cư, ... đảm bảo thoát nước mưa nhanh, không gây úng ngập cục bộ, không gây sói lở, hài hoà với kiến trúc cảnh quan của quy hoạch chung. Cao độ thiết kế san nền các mặt bằng đảm bảo thoát nước tự chảy có độ dốc tối thiểu 0,005.

- Độ dốc mặt bằng theo hướng (mũi tên trong bản vẽ) hướng dốc ra hệ thống cống thoát nước mưa đặt dọc các trục đường giao thông.

b2. Hệ thống thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mặt được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng.

- Tính toán nước mưa theo phương pháp cường độ giới hạn; Độ dốc cống thoát nước đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy Imin >= 1/D;

- Thoát nước tự chảy, theo địa hình đã san gạt và chủ đạo theo độ dốc của đường giao thông.

- Hệ thống thoát nước mặt trong khu vực lập quy hoạch gồm:

+ Hệ thống rãnh hộp thoát nước rộng B600 thu gom nước thải chạy dọc theo vỉa hè các tuyến đường sau đó đổ ra cống chính D100 chảy ra cửa xả ra suối;

+ Rãnh thoát nước có kết cấu bê tông, đậy nắp đan BTCT;

+ Dọc theo các tuyến rãnh chính xây dựng các ga thu, giếng thăm để thu nước mặt nền vào hệ thống cống. Khoảng cách các ga thu trung bình khoảng 35-45m;

c) Quy hoạch hệ thống cấp nước:

c1. Nhu cầu dùng nước: Tổng lưu lượng nước cấp cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch khoảng Qtb: 748,80m3/ngày đêm; trong đó tổng nhu cầu nước sinh hoạt là 484m3/ngày đêm.

c2. Nguồn cấp nước: Nguồn cung cấp nước sạch cho trung tâm xã được lấy từ khe suối phía Nam trung tâm xã, các trung tâm xã khoảng 0,8Km (Trên đồi cao, nước được xử lý theo quy trình làm sạch như: Đập đầu mối; Bể lọc; Bể chứa...) tự chảy bằng đường ống D110 về trung tâm xã.

c3. Nguyên tắc và giải pháp:

- Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tự chảy đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường cung cấp đầy đủ cho các nhu cầu dùng nước trong trung tâm xã kể cả hiện tại và tương lai.

- Mạng cấp nước chính trong khu vực quy hoạch là mạng lưới hỗn hợp với tuyến ống chính cấp nước D110; D63. Từ tuyến mạng lưới mạch vòng chính xây dựng các tuyến nhánh phụ phân phối D50; D32.

- Các tuyến đường ống cấp nước đi ngầm dưới hè của các trục đường, chôn sâu 0,7m. Các đoạn ống băng qua đường được đặt trong ống lồng sắt.

- Các họng cứu hoả được bố trí trên tuyến truyền dẫn chính.

d) Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

d1. Lưu lượng nước thải (nước bẩn) và rác thải:

- Khối lượng nước thải:

Nước thải sinh hoạt = 100% khối lượng nước cấp = 484 m3/ngày đêm;.

- Khối lượng rác thải:

Nhu cầu phải xử lý rác thải sinh hoạt là = 4.670 Kg/ngày đêm.

d2. Nguyên tắc và giải pháp:

- Hệ thống thoát nước thải (nước bẩn) là hệ thống thoát nước riêng.

- Nước thải trong mỗi hộ gia đình, công trình phải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tiêu chuẩn tại mỗi công trình sau đó mới được đổ vào các tuyến cống cóđường kính từ D160 đến D315 đặt dọc theo vỉa hè rồi đổ vào tuyến cống chính đưa nước về Trạm xử lý để làm sạch theo tiếu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Rác thải được phân loại tại nguồn, thu gom tập kết tại 1 vị trí theo quy hoạch. Xung quanh phải xây bó vỉa, nền láng bê tông xi măng (có xử lý chống thấm), có ga thu nước thải dẫn ra vị trí tuyến cống gần nhất. Vào giờ nhất định trong ngày, xe vận chuyển rác chuyên dụng của xí nghiệp môi trường sẽ vận chuyển đi đến khu xử lý rác thải tập trung của xã.

- Tại khu vực Chợ trung tâm xã và khu vực bến xe trung tâm, nhà sinh hoạt văn hoá khu trung tâm là những nơi tập trung đông người qua lại bố trí các nhà vệ sinh công cộng, có biển báo chỉ dẫn.

đ) Quy hoạch hệ thống cấp điện:

đ1. Tổng cầu phụ tải và nguồn cấp:

- Nhu cầu cấp điện cho khu vực lập quy hoạch theo tính toán là: Stt = 2.058 KVA.

- Nguồn cấp điện: Lấy từ đường dây 35KV thuộc lộ 375-E 20.40, thuộc lưới điện quốc gia, cấp điện khu vực xã Dương Quỳ.

đ2.Nguyên tắc và giải pháp:

- Hệ thống cấp điện được xây dựng cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, đồng bộ trong toàn khu vực lập quy hoạch. Các tuyến dây trung thế 35KV và hạ thế 0,4KV đi nổi. Trạm biến áp 35/0,4KV có bán kính phục vụ 350-400m.

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng mới 04 trạm biến áp phân phối 35(22)/0,4kV (tổng công suất 1.900KVA) phục vụ cấp điện khu dân cư, công cộng quy hoạch mới.

- Lưới điện:

+ Di chuyển tuyến đường dây 35kV qua khu quy hoạch để tạo mặt bằng quỹ đất sắp xếp dân cư và các khu công cộng, dịch vụ.

+ Xây dựng các tuyến đường dây 35kV cấp điện cho các trạm biến áp phân phối xây dựng mới trong khu quy hoạch.

+ Xây dựng mới các tuyến đường dây 0,4kV sử dụng cáp vặn xoắn trên cột BTLT cấp điện sinh hoạt dọc các tuyến đường giao thông.

+ Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng sử dụng cần đèn trên cột BTLT, chiếu sáng kết hợp cấp điện sinh hoạt.

e) Quy hoạch hệ thống cáp quang:

- Nhu cầu sử dụng cáp quang trong toàn bộ trạm bảo dưỡng là: 1.100 đầu thuê bao. Mục đích:

+ Đảm bảo thông tin liên lạc trong công tác điều hành giữa ban giám đốc và các phân xưởng sản xuất;

+ Đảm bảo thông tin liên lạc nội bộ phục vụ công tác quản lý, vận hành và sửa chữa trong phạm vi toàn ttrạm bảo dưỡng;

- Nguyên tắc và giải pháp thiết kế:

+ Hệ thống cáp quang được thiết kế phù hợp với hệ thống thông tin liên lạc trong tổng thể khu vực;

+ Nhu cầu thuê bao của khu vực được đáp ứng từ tổng đài chuyển mạch thành phố thông qua mạng cáp quang gốc đi dọc theo trục đường QL279;

+ Từ tuyến cáp quang gốc (cáp quy chuẩn 100 x 2 đôi dây) nối với tủ cáp (hộp đấu nối) với tổng dung lượng 1.100 số;

+ Hệ thống cáp quang thông tin truyền thông cụ thể sẽ do cơ quan quản lý chuyên ngành quyết định.

7. Quản lý khu dân cư hiện trạng:

Toàn bộ khu dân cư hiện trạng nằm trong vùng quy hoạch sẽ được quản lý chặt chẽ về mật độ xây dựng, chiều cao tầng nếu có cải tạo hoặc xây mới để đảm bảo không phá vỡ cảnh quanh chung của khu vực, một số tuyến đường sẽ được mở rộng để đảm bảo giao thông tốt hơn, cấp điện và cấp nước mới trong khu vực này cần phải tuân thủ theo quy hoạch và đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường:

Trong đồ án thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược ĐMC. Trong bước lập dự án tiếp tục đánh giá tác động môi trường ĐTM theo quy định.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND xã Dương Quy và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch cho tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn biết và thực hiện quy hoạch.

2. Tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch ngoài thực địa và giao UBND xã Dương Quỳ và cơ quan có thẩm quyền quản lý mốc giới theo quy định.

3. Thực hiện đầu tư các hạng mục theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Dương Quỳ và Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phan Trung Bá